

Châu Thành, ngày 16 tháng 11 năm 2022.

Số: 277/2022/QĐST- HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 487/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2022 về việc yêu cầu “Công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1983;

Địa chỉ: 354/3, ấp H, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Ông Đoàn Minh D, sinh năm 1985;

Địa chỉ: ấp C, xã L, huyện huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Chị Nguyễn Thị T và anh Đoàn Minh D trình bày:

Vợ chồng chị T và anh D kết hôn vào năm 2011 trên cơ sở tự nguyện. Anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre, được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 13/4/2011. Sau khi cưới anh chị sống chung hạnh phúc được 3 năm. Sau đó thì vợ chồng mâu thuẫn do tính tình không hợp nên thường hay cự cãi, vợ chồng không còn tin tưởng nhau. Anh chị nhận thấy khả năng không thể tháo gỡ mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn. Từ những căn cứ nêu trên có cơ sở xác định tình trạng của vợ chồng chị T, anh D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của chị T, anh D là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung: Chị T, anh D có 02 con chung tên Đoàn Thị Minh Th, sinh ngày 16/5/2011 và cháu Đoàn Thị Diễm M, sinh ngày 11/01/2015; khi ly hôn, chị T, anh D thỏa thuận chị T tiếp tục nuôi con chung, anh D không cấp dưỡng nuôi con do chị T tự nguyện không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh D khai không có.

Chị T và anh D không yêu cầu cấp dưỡng cho nhau sau khi ly hôn.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Đoàn Minh D thuận tình ly hôn. Ghi nhận chị T, anh D không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Chị T, anh D có 02 con chung tên Đoàn Thị Minh Th, sinh ngày 16/5/2011 và cháu Đoàn Thị Diễm M, sinh ngày 11/01/2015; khi ly hôn, chị T, anh D thỏa thuận chị T tiếp tục nuôi con chung, anh D không cấp dưỡng nuôi con do chị T tự nguyện không yêu cầu.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh D khai không có

2. Lệ phí việc dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*); chị Nguyễn Thị T tự nguyện nộp nhưng được khấu trừ theo biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0010550 ngày 01/11/2022 của chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre. Chị T đã nộp xong lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện C;
- UBND xã P (13/4/2011);
- Chi cục THADS huyện C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Tuyết